

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2020/TLST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thụy Tường V, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ A, Khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
 - Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Chí B, sinh năm 1995; địa chỉ: đường L, Tổ C, khu phố S, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/3/2020, các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với nội dung như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thụy Tường V và ông Phạm Chí B chung sống và tiến hành đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống bà V, ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Bà V, ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thụy Tường V và ông Phạm Chí B có một con chung cháu Phạm Nhật Bảo K, sinh ngày 11/10/2018. Sau khi ly hôn bà V, ông B thống nhất giao con chung cho bà Lê Thụy Tường V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thụy Tường V và ông Phạm Chí B thống nhất, ông B cấp dưỡng cho cháu Phạm Nhật Bảo K, sinh ngày 11/10/2018 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết

định ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thụy Tường V và ông Phạm Chí B thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thụy Tường V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Nhật Bảo K, sinh ngày 11/10/2018.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi có yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thụy Tường V và ông Phạm Chí B thống nhất, ông B cấp dưỡng cho cháu Phạm Nhật Bảo K, sinh ngày 11/10/2018, mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thụy Tường V nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), ông Phạm Chí B nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041585 ngày 11/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Thủ Dầu Một;
 - Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một;
 - UBND P. P, Tp. T
- T. Bình Dương;
- Đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Văn Thị Ngọc Hương